TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____

Bản án số: 132/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Văn Tâm;
2. Ông Ngô Văn Mừng.

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Hồ Ngọc Anh T1**, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số 129A, tỉnh lộ 942, ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

+ Bị đơn: Ông **Nguyễn Chí T2**, sinh năm 1984. Vắng mặt

Cư trú: số 348, tổ 15, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà và ông T2 chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, hôn nhân do mai mối. Vợ chồng chung sống 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống từ 05 năm cho đến nay. Nguyên nhân do chồng thường hay ăn nhậu, chửi vợ con. Nay tình cảm không còn tôi xin ly hôn với bà Nguyễn Chí T2.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Hồ Ngọc K, sinh năm 01/4/2007 và Nguyễn Hữu N, sinh năm 20/9/2012 hiện nay con chung đang chung sống với bà T1. Khi ly hôn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn: ông Nguyễn Chí T2 đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T2 không gửi văn bản cũng như không tham gia các phiên hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T2 về yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Ngọc Anh T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* bị đơn ông Nguyễn Chí T2 đã được tống đạt các Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông T2 vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T2 là đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Hồ Ngọc Anh T1 xin ly hôn với ông Nguyễn Chí T2. Ông T2 có nơi cư trú tại số 348, tổ 15, ấp Mỹ An, xã Mỹ An, huyện C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Bà Hồ Ngọc Anh T1 và ông Nguyễn Chí T2 xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện tại tình cảm hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 không thể tồn tại. Hội đồng xét xử xét thấy mối quan hệ vợ chồng giữa bà T1 và ông T2 không thể hàn gắn được, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Ngọc Anh T1 xin ly hôn với ông Nguyễn Chí T2 là phù hợp được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về quan hệ con chung*: Bà T1 trình bày bà và ông T2 có 02 con chung Nguyễn Hồ Ngọc K, sinh năm 01/4/2007 và Nguyễn Hữu N, sinh năm 20/9/2012 hiện nay con chung đang chung sống với bà T1. Khi ly hôn yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ghi nhận ý kiến của cháu Ngọc Kim và Hữu Nhơn; các cháu có nguyện vọng được ăn ở, sinh hoạt, học tập với bà T1. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu Kim và cháu Nhơn cho bà T1 được tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho bà T1 được tiếp tục trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật. Do bà T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Ông T2 không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T2 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung*: bà T1 trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

- *Về quan hệ nợ chung*: bà T1 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T1 và ông T2 trong thời kỳ hôn nhân thì bà T1 và ông T2 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213 273 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Ngọc Anh T1.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* bà Hồ Ngọc Anh T1 được ly hôn với ông Nguyễn Chí T2.

3. *Về quan hệ con chung:* Bà T1 được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Hồ Ngọc K, sinh năm 01/4/2007 và Nguyễn Hữu N, sinh năm 20/9/2012. Ông T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T2 không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui trông nôm và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T2 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về quan hệ tài sản chung*: Bà T1 trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về quan hệ nợ chung: Bà T1 trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà T1 và ông T2 trong thời kỳ hôn nhân thì bà T1 và ông T2 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: bà T1 phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm là 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0008324 ngày 08.5.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Bà T1 đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Hồ Ngọc Anh T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Chí T2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Quang Thanh